



PHỤ LỤC
Danh mục dự án cần NSTW hỗ trợ theo đề xuất của địa phương
(Sắp xếp theo văn bản số **9848** /BXD-KHTC ngày **27/6/2026** của Bộ Xây dựng)

Địa phương (sau sắp nhập)	Tên tuyến	Chiều dài (km)	Quy mô hiện trạng/dầu tư	Thông tin dự án đang triển khai giai đoạn 2026-2030									Hiệu quả đầu tư			TT	Dự kiến của Bộ Xây dựng về nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030																			
				Quy mô đầu tư	Phương thức đầu tư	TMBĐT	NSTW đã bố trí	NSTW đề xuất bổ sung	NSDP đã bố trí	NSDP bổ sung	Vốn ngoài NSNN	Tiến độ hoàn thành	NPV (tỷ đồng)	IRR (%)	B/C		Tổng nhu cầu	NSTW	NSDP	Ghi chú																
Tổng cộng		456						53.172		10.847								64.019	40.007	24.012																
Hải Phòng	Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng	21	4 làn xe (dờ dang)	4 làn xe	ĐTCT	13.986	2.957	5.670	1.780	3.579	-	2029	Không cung cấp thông tin			1	9.249	5.670	3.579	Đoạn tuyến đi trùng với tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, NSTW có thể hỗ trợ theo đề xuất của địa phương																
Hưng Yên	Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng	9	2 làn xe, 12m																																	
Thanh Hóa	Hoàng Hóa - Sầm Sơn	12	2 làn xe (dờ dang)	2 làn xe, 12m	ĐTCT	3.340	1.276	1.103	312	649	-	2029	1.323	15,05	1,85	2	1.752	1.103	649	NSTW có thể hỗ trợ phần vốn giai đoạn 2021 - 2025 đã bị hủy dự toán theo đề xuất của địa phương																
Thanh Hóa	Quảng Xương - Ninh Hải	18																																		
Quảng Trị	Đoạn ranh giới tỉnh - Nam cầu Cửa Việt	48	Chưa có	2-4 làn xe, 12 - 40m	ĐTCT	2.731	1.643	221	290	577	-	2027	Dự án chuyển tiếp			3	798	221	577	NSTW cần bố trí cho dự án chuyển tiếp (giai đoạn trước đã có vốn NSTW)																
Quảng Trị	Cầu Cửa Việt; đoạn xã Hải Khê đến ranh giới tỉnh	7	Chưa có	4 làn xe, 20-50m	ĐTCT	900	1	899	-	-	-	12/2029	900	12,70	1,06	4	899	899	-	NSTW cần bố trí để xây dựng công trình cầu lớn																
TP. Huế	Km0 - Km7+750	8	Chưa có	4 làn xe, 36m	ĐTCT	7.716	-	7.000	-	716	-	2030	2.869	13,80	1,41	5	5.035	1.925	3.110	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
TP. Huế	QL.49B (Km44+810 - Km50+410)	6	2 làn xe, 6,5m																																	
TP. Huế	Km56+720 - Km72+710	16	Chưa có																																	
TP. Huế	QL.49B (Km72+710 - Km74+990)	2	2 làn xe, 6,5m																																	
TP. Huế	QL.49B (Km74+990 - Km75+900), cầu Tư Hiền	1	2 làn xe, 9m																																	
TP. Huế	Km84+620 - Km86+350	2	Chưa có	4 làn xe, 32m	ĐTCT	2.660	-	2.500	-	160	-	2030	1.982	16,70	1,46	6	2.660	1.650	1.010	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
TP. Huế	Km79+200 - Km84+620 (hầm 2,1km)	5	Chưa có	2 ống, 12m+9m																																
TP. Huế	Km7+750 - Km20+500	12	Chưa có	4-8 làn xe, 36-60m																																
TP. Huế	QL.49B (Km20+500 - Km28+150)	8	2 làn xe, 6,5m																																	
TP. Huế	Km50+410 - Km56+720	6	Chưa có																																	
TP. Huế	Km87+770 - Km91+770	4	2 làn xe, 12m																																	
TP. Huế	Km28+150 - Km35+930	8	4 làn xe																																	
TP. Huế	QL.49B (Km35+930 - Km37+060)	1	2 làn xe, 6,5m	4 làn xe	ĐTCT	3.496	3.174	270	52	Dự án chuyển tiếp			7			270	270	-	NSTW cần bố trí cho dự án chuyển tiếp (giai đoạn trước đã có vốn NSTW)																	
TP. Huế	QL.49B (Km75+900 - Km79+200)	3	2 làn xe, 6,5m																																	
TP. Huế	Km91+770 - Km98+080	7	Chưa có	4-6 làn xe, 30-36m	ĐTCT	686	-	500	-	186	-	2030	567	17,70	1,53	8	686	385	301	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
TP. Đà Nẵng	Đường phía Đông sân bay Chu Lai	6	2 làn xe	4 làn xe	ĐTCT	656	-	656	-	-	-	2028	Không cung cấp thông tin			9	656	330	326	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
Quảng Ngãi	Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn III (Km82 - Km125)	34	Chưa có	2-4 làn xe	ĐTCT	6.000	-	3.000	-	3.000	-	2030	Không cung cấp thông tin			10	6.000	1.870	4.130	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
Quảng Ngãi	Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IV (Km0-Km14+900)	15	2 làn xe	4 làn xe	ĐTCT	2.964	-	1.482	-	1.482	-	2030	Không cung cấp thông tin			11	2.964	825	2.139	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
Gia Lai	Cầu Thiện Chánh đi Quảng Ngãi	3	Chưa có	2 làn xe, 12m	ĐTCT	1.086	-	635	-	451	-	2028	257	15,00	1,40	12	1.086	635	451	NSTW cần bố trí để xây dựng công trình cầu lớn, cần đối NSTW theo đề xuất của địa phương																
Đắk Lắk	Phường Xuân Đài - xã Tuy An Đông (ĐT.31 - QL.1)	3	Chưa có	4 làn xe	ĐTCT	938		891		47		2028	129	13,05	1,12	13	938	165	773	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
Đắk Lắk	Cảng Vũng Rô - hầm Đèo Cả	9	2 làn xe, 7,5m	4 làn xe, 24m	ĐTCT	1.800	-	1.800	-	-	-	12/2030	1.639	18,00	2,01	14	1.800	495	1.305	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
Khánh Hòa	ĐT.651C (quy hoạch) (I)	5	Chưa có	4 làn xe, 26m	ĐTCT	2.854	-	2.854	-	-	-	IV/2029	2.139	17,23	1,00	15	2.854	1.210	1.644	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																
Khánh Hòa	ĐT.651C (hiện trạng) (II)	10	2-4 làn xe																																	
Khánh Hòa	ĐT.651B (quy hoạch) (I)	3	Chưa có																																	
Khánh Hòa	ĐT.651B (hiện trạng) (II)	4	2-4 làn xe																																	
Lâm Đồng	Bình Thạnh - Cầu Sông Lũy (Phan Rí Cửa - Bình Thạnh)	17	Chưa có	4 làn xe	ĐTCT	2.557	-	2.556	1	-	-	12/2030	203	13,48	1,13	16	2.556	935	1.621	NSTW cần đối quy mô 2 làn xe, NSDP cần đối phần còn lại																

[illegible]